

QUY CHẾ

Quản lý tài chính của Công ty TNHH một thành viên

Khai thác thủy lợi Quảng Nam

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý tài chính đối với Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam. Ngoài những nội dung quy định tại Quy chế này, các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- UBND tỉnh Quảng Nam.
- Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người lao động trong Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam.
- Các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt

- Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020: viết tắt là Luật Doanh nghiệp.
 - Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014: viết tắt là Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước.
 - Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp: viết tắt là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.
 - Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Doanh nghiệp: viết tắt là Nghị định số 47/2021/NĐ-CP.
 - Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước: viết tắt là Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

e) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam theo Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh: viết tắt là Điều lệ Công ty.

g) Các phòng chức năng Công ty, Chi nhánh trực thuộc Công ty được Hội đồng thành viên quyết định thành lập: viết tắt là đơn vị trực thuộc.

h) Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng: viết tắt là Người quản lý doanh nghiệp.

i) Kiểm soát viên Công ty là người thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh, được UBND tỉnh bổ nhiệm, làm việc theo chế độ chuyên trách: Viết tắt là Kiểm soát viên.

2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp nhà nước và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

3. Các tham chiếu của Quy chế này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 4. Chủ sở hữu

1. Chủ sở hữu Công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Trụ sở: Số 62, đường Hùng Vương, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Chương II

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Mục 1

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 5. Vốn của Công ty

Vốn hoạt động của Công ty bao gồm vốn chủ sở hữu của Công ty và vốn do Công ty huy động.

Vốn huy động của Công ty là vốn Công ty vay các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính khác, các cá nhân trong và ngoài nước; phát hành trái phiếu và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty được xác định tại Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 là: 1.478.000.000.000 đồng (*Một nghìn bốn trăm bảy mươi tám tỷ đồng*).

2. Trường hợp Công ty có nhu cầu tăng vốn điều lệ để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển thì phải xây dựng Phương án bổ sung vốn điều lệ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

3. Phương pháp, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định tăng vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Công ty không được giảm vốn điều lệ trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Công ty trong việc sử dụng vốn và các Quỹ do Công ty quản lý

1. Công ty được quyền chủ động sử dụng vốn Nhà nước đầu tư, các loại vốn khác, các Quỹ do Công ty quản lý vào hoạt động sản xuất, kinh doanh theo các quyết định của Hội đồng thành viên, quyết định của UBND tỉnh và quy định của pháp luật; quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND tỉnh về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; báo cáo tài chính để theo dõi, chỉ đạo.

2. Việc sử dụng vốn, các Quỹ để đầu tư xây dựng phải tuân theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 8. Huy động vốn

1. Hình thức huy động, nguyên tắc và thẩm quyền quyết định phương án huy động vốn của Công ty: thực hiện theo quy định của pháp luật về huy động vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Khi có nhu cầu huy động vốn vượt quy định để đầu tư các dự án quan trọng, Công ty phải có báo cáo chứng minh được hiệu quả dự án, khả năng huy động, kế hoạch cân đối nguồn trả nợ đảm bảo khả năng thanh toán và chịu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 9. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

1. Công ty được quyền sử dụng tài sản, tiền vốn thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty để đầu tư ra ngoài theo quy định tại Điều 28 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước, các quy định pháp luật có liên quan và được UBND tỉnh chấp thuận bằng văn bản.

a) Đầu tư ra ngoài Công ty phải tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty; đảm bảo có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư, trừ những trường hợp đặc biệt theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Công ty không được sử dụng tài sản, tiền vốn, quyền sử dụng đất giao hoặc thuê để góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, không được góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, trừ những trường hợp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

c) Trường hợp, Công ty đã góp vốn, đầu tư vào các lĩnh vực quy định tại điểm b Khoản này không thuộc trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư phải thực hiện phương án cơ cấu lại và chuyển nhượng toàn bộ số vốn đã đầu tư theo quy định.

2. Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp theo quy định và thường xuyên báo

cáo Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính để kịp thời tham mưu UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

3. Công ty không được sử dụng tài sản thuê để hoạt động, mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán đại lý, ký gửi để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc, hình thức, thẩm quyền và giới hạn đầu tư vốn ra ngoài Công ty: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư vốn ra ngoài Công ty đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 10. Bảo toàn vốn của Công ty

1. Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Công ty. Mọi biến động về tăng, giảm vốn Nhà nước phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính để theo dõi, giám sát.

2. Công ty thực hiện việc bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước bằng các biện pháp sau đây:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn Nhà nước tại Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Định kỳ hằng năm, Hội đồng thành viên Công ty chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo, đánh giá mức độ bảo toàn vốn của Công ty theo quy định hiện hành và gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

Mục 2

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN

Điều 11. Tài sản của Công ty

1. Tài sản của Công ty bao gồm: Các tài sản ngắn hạn (*như tiền, hàng tồn kho, các tài sản ngắn hạn khác*) và các tài sản dài hạn (*như tài sản cố định, các khoản phải thu dài hạn, tài sản dài hạn khác*).

2. Giám đốc Công ty phải xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản đảm bảo có hiệu quả, tránh lãng phí, ứ đọng, không cần dùng, thất thoát, kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật; tổ chức hạch toán phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời; tổ chức kiểm kê, đối chiếu theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của

UBND tỉnh; thực hiện đầu tư tài sản cố định, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định.

3. Việc điều chuyển tài sản trong toàn Công ty, giữa các đơn vị trực thuộc phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty do Giám đốc Công ty quyết định.

4. Việc trích khấu hao tài sản cố định; cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty; quản lý hàng tồn kho; quản lý các khoản nợ phải thu; nợ phải trả; chênh lệch tỷ giá; kiểm kê, đánh giá lại tài sản của Công ty thực hiện theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, quy định của pháp luật liên quan và quy định đặc thù đặc thù đối với đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi (nếu có).

Điều 12. Đầu tư, xây dựng và mua sắm tài sản cố định

1. Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Công ty, Hội đồng thành viên Công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

2. Hội đồng thành viên phân cấp cho Giám đốc Công ty quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Đối với việc đầu tư, mua sắm sử dụng phương tiện đi lại (xe ô tô) phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; xe phục vụ công tác chung, Công ty phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; mua sắm, sử dụng phục vụ công tác đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả theo quy định hiện hành của pháp luật.

5. Người quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu quyết định không đúng thẩm quyền hoặc tài sản cố định được đầu tư, xây dựng, mua sắm không sử dụng được, sử dụng không hiệu quả.

Mục 3

DOANH THU, CHI PHÍ VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 13. Doanh thu và thu nhập khác

1. Doanh thu và thu nhập khác của Công ty được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu từ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, doanh thu từ hoạt động cung cấp sản

phẩm dịch vụ thủy lợi khác, doanh thu từ các khoản hỗ trợ của Nhà nước theo quy định, doanh thu khác;... Trong đó:

a) Doanh thu từ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: Là khoản tiền hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định hiện hành và tiền thu từ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của các đối tượng không được miễn.

b) Doanh thu từ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác: Là các khoản thu tiền cấp nước để phát điện, cấp nước cho sản xuất nước sạch, cấp nước cho sản xuất công nghiệp, cấp nước cho chăn nuôi,...

c) Doanh thu từ các khoản hỗ trợ của Nhà nước theo quy định (nếu có).

d) Doanh thu khác: các khoản thu từ hoạt động tài chính, các khoản thu từ hoạt động được quy định tại điểm b, c và d khoản 2 Điều 4 Điều lệ Công ty, ...

3. Thu nhập khác của Công ty bao gồm: các khoản nợ khó đòi đã được xóa nay thu hồi được, khoản thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, tài sản thừa do kiểm kê, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng,...

Điều 14. Chi phí hoạt động sản xuất

Chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính. Việc xác định chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật chung, văn bản pháp luật chuyên ngành và quy định của pháp luật về thuế.

Điều 15. Quản lý doanh thu, thu nhập khác và chi phí sản xuất

1. Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh trong việc tổ chức quản lý, đảm bảo tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác và chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Công ty theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

3. Doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty được xác định bằng đồng Việt Nam, trường hợp thu bằng ngoại tệ phải quy đổi về đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Công ty phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Trường hợp, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ thủy lợi không đủ bù đắp chi phí sản xuất hợp lý, nhà nước sẽ xem xét hỗ trợ theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

5. Việc xác định doanh thu, thu nhập và chi phí để xác định nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan.

Điều 16. Tiền lương, tiền thưởng của Công ty

1. Tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động

a) Nguyên tắc xác định tiền lương của người lao động:

- Tuân thủ quy định của pháp luật về lao động;
- Căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể;

- Căn cứ vào năng suất lao động, hiệu quả công việc của người lao động.

b) Tiền thưởng cho người lao động được xác định trên cơ sở năng suất lao động, thành tích công tác của người lao động và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty. Hội đồng thành viên Công ty ban hành Quy chế thưởng cho người lao động.

2. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, Kiểm soát viên Công ty

a) Nguyên tắc xác định:

- Tuân thủ quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về cán bộ, công chức;

- Căn cứ vào hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh hằng năm của Công ty và đảm bảo tương quan hợp lý với tiền lương của người lao động trong Công ty;

- Căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Người quản lý, Kiểm soát viên Công ty.

b) Tiền thưởng của Người quản lý, Kiểm soát viên Công ty do UBND tỉnh phê duyệt trên cơ sở hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, xếp loại doanh nghiệp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Người quản lý, Kiểm soát viên Công ty và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Điều 17. Phân phối lợi nhuận

Thực hiện theo quy định của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 18. Quản lý và sử dụng các quỹ

1. Công ty xây dựng, ban hành Quy chế quản lý, sử dụng các Quỹ theo quy định của pháp luật đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành Công đoàn Công ty và công khai trong Công ty trước khi thực hiện.

2. Trong năm tài chính, Công ty chủ động thực hiện tạm trích các quỹ theo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh có lãi và đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định.

3. Quỹ Đầu tư phát triển được sử dụng để đầu tư phát triển doanh nghiệp và bổ sung vốn điều lệ Công ty.

4. Quỹ Khen thưởng được sử dụng:

a) Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động trong doanh nghiệp trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của người

lao động trong Công ty. Không dùng Quỹ Khen thưởng của Công ty để thưởng cho Người quản lý, Kiểm soát viên Công ty (*trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng*).

b) Thưởng cho những cá nhân, đơn vị ngoài Công ty có đóng góp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và công tác quản lý của Công ty.

c) Mức thưởng do Giám đốc Công ty quyết định, được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ của Công ty.

5. Quỹ Phúc lợi được sử dụng:

a) Đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động trong Công ty, kể cả Người quản lý, Kiểm soát viên Công ty.

c) Góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

d) Sử dụng một phần Quỹ Phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

đ) Mức chi do Giám đốc Công ty quyết định, được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ của Công ty.

6. Quỹ thưởng Người quản lý, Kiểm soát viên Công ty: Thưởng hàng năm; thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng Công ty. Mức thưởng do UBND tỉnh quyết định gắn với tiêu chí đánh giá Người quản lý, Kiểm soát viên Công ty về hiệu quả hoạt động kinh doanh, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty.

Mục 4

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 19. Kế hoạch tài chính

1. Hội đồng thành viên Công ty căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh đã được UBND tỉnh phê duyệt, để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với định hướng của Công ty đã được UBND tỉnh quyết định.

2. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất, kinh doanh dài hạn, năng lực của Công ty và nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm tiếp theo trình Hội đồng thành viên quyết định.

3. Căn cứ kế hoạch sản xuất, kinh doanh đã được Hội đồng thành viên quyết định, Giám đốc Công ty thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo trình Hội đồng thành viên quyết định, báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính trước ngày 31/7 hằng năm.

4. UBND tỉnh giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát lại kế hoạch tài chính do Công ty lập và tham mưu UBND tỉnh có ý kiến chính thức bằng văn bản để Công ty hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm căn cứ để UBND tỉnh và Sở Tài chính giám sát đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 20. Công tác kế toán, thống kê, kiểm toán

Công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính. Báo cáo tài chính năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi gửi cho các cơ quan nhà nước liên quan và công bố công khai.

Điều 21. Báo cáo tài chính, thống kê và các báo cáo khác

1. Cuối kỳ kế toán (*quý, năm*), Công ty phải lập, trình bày, gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cho các cơ quan nhà nước và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

2. Ngoài các báo cáo tài chính, thống kê định kỳ lập và gửi theo quy định nêu trên, Công ty phải thực hiện lập, gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Tài chính và cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 22. Chế độ lưu trữ tài liệu

Việc lưu trữ chứng từ, hồ sơ, tài liệu của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và các quy định của pháp luật liên quan.

Mục 5

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Điều 23. Trách nhiệm của Công ty trong việc thực hiện giám sát tài chính

1. Xây dựng và ban hành các quy trình quản lý phục vụ giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm: Quy trình kế hoạch tài chính và dự báo; quy trình kế toán, lập báo cáo tài chính; quy trình quản lý rủi ro tài chính, kế hoạch kinh doanh.

2. Ban hành quy định phân công nhiệm vụ, trách nhiệm của các phòng; cơ chế phối hợp giữa các phòng; tổ chức giám sát tài chính nội bộ Công ty. Giám đốc sử dụng bộ máy tổ chức của Công ty để thực hiện chức năng giám sát và hằng năm báo cáo kết quả giám tài chính nội bộ cho UBND tỉnh, Sở Tài chính (*nếu có yêu cầu*).

3. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động của bộ phận kiểm soát, giám sát nội bộ và đảm bảo thu thập được thông tin về các chỉ tiêu giám sát tài chính của Công ty.

4. Lập và gửi các báo cáo giám sát tài chính cho UBND tỉnh, Sở Tài chính theo quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

5. Được thuê tổ chức dịch vụ tư vấn tài chính xây dựng chỉ tiêu giám sát tài chính đặc thù (nếu có), báo cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

6. Khi có yêu cầu của UBND tỉnh về kiểm tra lại số liệu tài chính, Công ty chịu trách nhiệm thuê đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán độc lập để thực hiện, chi phí được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty.

7. Xây dựng và thực hiện các biện pháp ngăn chặn, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, rủi ro trong quản lý tài chính khi có yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Tài chính.

8. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các ý kiến chỉ đạo, khuyến nghị của UBND tỉnh, Sở Tài chính trong các báo cáo giám sát. Công ty được quyền đề nghị xem xét trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến chỉ đạo, khuyến nghị và chấp hành ý kiến trả lời cuối cùng của UBND tỉnh, Sở Tài chính.

Điều 24. Báo cáo đánh giá, xếp loại Công ty

Hàng năm, căn cứ các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và các tiêu chí do Ủy ban nhân dân tỉnh giao tự đánh giá và xếp loại doanh nghiệp, Công ty tự đánh giá, xếp loại doanh nghiệp và báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước liên quan theo thời gian quy định.

Điều 25. Công khai thông tin tài chính và công bố thông tin hoạt động của Công ty:

Công ty thực hiện công khai thông tin tài chính và công bố thông tin hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Phạm vi thi hành

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các đơn vị trực thuộc và người lao động của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của Quy chế này.

2. Trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì phải được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và tổng hợp, tham mưu trình điều chỉnh bổ sung theo quy định.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện có phát sinh vướng mắc thì Hội đồng thành viên Công ty kiến nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền./.